



CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 46+47

Ngày 05 tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

29-9-2023	Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý	3
-----------	--	---

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

11-9-2023	Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	7
20-9-2023	Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND phân cấp quản lý công trình thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	9

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

29-9-2023	Nghị quyết số 83/NQ-HĐND về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ tại các trường mầm non, phổ thông công lập năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý	13
-----------	---	----

29-9-2023	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND về việc cho ý kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương; quyết định danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên	16
29-9-2023	Nghị quyết số 85/NQ-HĐND phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên	28
29-9-2023	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND dừng chủ trương đầu tư Dự án Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	31
29-9-2023	Nghị quyết số 87/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên	33
29-9-2023	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023	50
29-9-2023	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hoá thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên	71
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH		
18-9-2023	Quyết định số 2224/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên	74
20-9-2023	Quyết định số 2231/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên	81

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2023/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

b) Trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập; học sinh tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; học sinh hệ giáo dục thường xuyên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức thu học phí

1. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/tháng/học sinh

STT	Địa bàn Cơ sở giáo dục	Mức thu		
		Các phường thuộc thành phố	Thị trấn trung tâm các huyện; các xã, thị trấn không phải xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Các xã, thị trấn còn lại
1	Mầm non	300	100	50
2	Tiểu học	300	100	50
3	Trung học cơ sở	300	100	50
4	Trung học phổ thông	300	200	100

2. Trường hợp học trực tuyến (online), mức thu học phí bằng với mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục tiểu học công lập quy định tại khoản 1 Điều này dùng làm căn cứ để hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định, không dùng để thu học phí đối với học sinh tiểu học tại trường công lập.

4. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn được quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Học phí được thu định kỳ hằng tháng và thu tối đa 09 tháng/năm; nếu người học hoặc cha mẹ/người đại diện/người giám hộ cho người học tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học theo thỏa thuận.

6. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (*bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến (online) hoặc bố trí thời gian học bù tại trường*); mức thu học phí bằng với mức thu được quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Căn cứ mức thu học phí quy định tại khoản 1 Điều này, người học thực hiện đóng học phí bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 quy định tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với cấp học mầm non và cấp học phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2021 - 2022 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý. Phân chênh lệch giữa hai mức thu học phí được ngân sách nhà nước theo phân cấp hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý để thực hiện các nhiệm vụ của năm học liên quan đến nguồn thu học phí hằng tháng cho đến khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định mới về học phí.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 640/TTr-SLĐTBXH ngày 08 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 24/2023/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp quản lý công trình thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3034/TTr-SNN ngày 25 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và quy mô thủy lợi nội đồng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác, việc tổ chức quản lý do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, sử dụng có hiệu quả.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
- b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi.
- c) Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Phân cấp để đảm bảo quản lý thống nhất theo hệ thống công trình thủy lợi, từ công trình đầu mối đến công trình thủy lợi nội đồng; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế khác.

2. Các cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

3. Việc thực hiện tưới, tiêu cho khu vực tưới, tiêu phải đảm bảo đúng quy mô quy định tại quyết định này, trừ một số trường hợp để đảm bảo tính hệ thống của khu vực tưới, tiêu không bị chia cắt.

Điều 3. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý các công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh có quy mô, nhiệm vụ công trình như sau:

1. Hồ chứa nước nhỏ là đập có chiều cao dưới 10 m hoặc hồ chứa nước có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³ hoặc hồ chứa nước nhỏ có nhiệm vụ phục vụ diện tích tưới nhỏ hơn 20 ha đối với vùng miền núi; nhỏ hơn 50 ha đối với vùng còn lại.

2. Đập dâng nhỏ có chiều cao đập (Hđ) dưới 10 m hoặc đập dâng nhỏ có nhiệm vụ phục vụ diện tích tưới nhỏ hơn 20 ha đối với vùng miền núi; nhỏ hơn 50 ha đối với vùng còn lại.

3. Trạm bơm điện nhỏ có loại máy bơm công suất dưới 1.000 m³/h hoặc trạm bơm nhỏ có nhiệm vụ phục vụ diện tích tưới, tiêu nhỏ hơn 100 ha.

4. Toàn bộ hệ thống dẫn, chuyển nước (*bao gồm kênh, mương, đường ống, xi phông, cầu máng dùng để dẫn, chuyển nước*) từ công trình đầu mối quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này đến khu vực tưới, tiêu.

5. Toàn bộ công trình kênh, mương, đường ống dẫn nước tưới, tiêu (*thủy lợi nội đồng*) trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

Điều 4. Quy định về quy mô thủy lợi nội đồng

Quy mô thủy lợi nội đồng được xác định theo diện tích tưới, tiêu của khu vực tưới, tiêu đối với từng vùng như sau:

1. Đối với vùng miền núi: Kênh tưới, tưới tiêu kết hợp, tiêu từ sau cống đầu kênh tới mặt ruộng có diện tích hưởng lợi nhỏ hơn 20 ha. Trong một số trường hợp, để đảm bảo tính hệ thống thì diện tích khu vực tưới, tiêu có thể lớn hơn 20 ha nhưng không vượt quá 50 ha.

2. Đối với các vùng còn lại: Kênh tưới, tưới tiêu kết hợp, tiêu từ sau cống đầu kênh tới mặt ruộng có diện tích hưởng lợi nhỏ hơn 50 ha. Trong một số trường hợp để đảm bảo tính hệ thống thì diện tích khu vực tưới, tiêu có thể lớn hơn 50 ha nhưng không vượt quá 200 ha.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh mục, giao nhiệm vụ cho đơn vị khai thác công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý và danh mục các công trình thủy lợi phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các công trình thủy lợi được phân cấp và giao cho các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý, khai thác theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị khai thác công trình thủy lợi và các đơn vị liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2023.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 83/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ tại các trường mầm non, phổ thông công lập năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Thực hiện Công văn số 4692/BNV-TCBC ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nội vụ về thực hiện Công điện số 747/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện Kết luận số 1301-KL/TU ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương giao số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ tại các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm học 2023 - 2024;

Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ tại các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm học 2023 - 2024;

Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ tại các trường mầm non, phổ thông công lập năm học 2023 - 2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý là: **2.916** hợp đồng lao động, trong đó:

- Cấp học Mầm non: 1.075 hợp đồng lao động.
- Cấp học Tiểu học: 811 hợp đồng lao động.
- Cấp học Trung học cơ sở: 894 hợp đồng lao động.
- Cấp học Trung học phổ thông: 136 hợp đồng lao động.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG GIAO CHO CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương	Cấp học				
		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
	Cộng	2.916	1.075	811	894	136
1	Huyện Đại Từ	400	187	101	112	
2	Huyện Định Hóa	164	31	53	80	
3	Huyện Đồng Hỷ	241	90	47	104	
4	Thành phố Phổ Yên	425	187	114	124	
5	Huyện Phú Bình	410	165	119	126	
6	Huyện Phú Lương	205	77	75	53	
7	Huyện Võ Nhai	126	52	34	40	
8	Thành phố Sông Công	183	65	59	59	
9	Thành phố Thái Nguyên	622	218	209	195	
10	Trường Cao đẳng Thái Nguyên	2	2			
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	138	1		1	136

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương; quyết định danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội Khóa XIV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn

ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thông tin và truyền thông trong tiểu dự án 1 và tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương; quyết định danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với ý kiến đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 8.264 triệu đồng đã giao cho Ban Dân tộc tỉnh.
- Điều chỉnh tăng 8.264 triệu đồng cho các đơn vị: Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện: Võ Nhai, Định Hóa, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Quyết định danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025: 07 dự án với tổng kế hoạch vốn là: 10.821 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Danh mục dự án đầu tư công năm 2023: 02 dự án với tổng kế hoạch vốn là: 2.681 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I**CHO Ý KIẾN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 10 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025***(Kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
	Tiểu dự án 2, dự án 10	9.722	8.264	8.264	9.722	
1	Ban Dân tộc	9.722		8.264	1.458	Đã giao tại phụ lục III.1 của Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022; Phụ lục I của Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 24/3/2023
2	Liên minh hợp tác xã tỉnh		972		972	

3	UBND huyện Võ Nhai		2.562		2.562	13 xã: Dân Tiến; La Hiên; Phú Thượng; Tràng Xá; Bình Long; Sảng Mộc; Cúc Đường; Thân Sa; Phương Giao; Nghinh Tường; Thượng Nung; Liên Minh; Vũ Chấn
4	UBND huyện Định Hoá		2.562		2.562	13 xã: Bảo Linh; Quy Kỳ; Linh Thông; Bình Thành; Bình Yên; Diềm Mặc; Lam Vỹ; Phú Tiến; Tân Dương; Tân Thịnh; Trung Lương; Định Biên; Phú Đình
5	UBND huyện Đồng Hỷ		985		985	05 xã: Quang Sơn; Tân Long; Văn Lăng; Cây Thị; Hợp Tiến
6	UBND huyện Phú Lương		592		592	03 xã: Yên Trạch; Phú Đô; Động Đạt
7	UBND huyện Phú Bình		591		591	03 xã: Tân Thành; Tân Khánh; Bàn Đạt

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 10 THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU
SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư			Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025			Chủ đầu tư	
					Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)		Ngân sách địa phương (cấp huyện)	Ngân sách Trung ương		Ngân sách địa phương (tỉnh)
I	Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Dự án 10				11.186	9.722	1.099	365	10.821	9.722	1.099	

1	Đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên	Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến, trang bị các thiết bị đầu cuối và vật dụng cần thiết để phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối, khai thác, vận hành	1.623	1.458	165			1.623	1.458	165	Ban Dân tộc tỉnh
2	Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	2024 - 2025	Đầu tư phòng đa phương tiện hỗ trợ tư vấn đào tạo trực tiếp và hướng dẫn bán trực tuyến, chụp ảnh sản phẩm, hỗ trợ thiết kế nhãn mác, nhãn hiệu, thương hiệu xử lý hình ảnh sản phẩm (phần mềm, các thiết bị âm thanh, màn hình, camera...) tại Liên minh HTX tỉnh đáp	1.082	972	110			1.082	972	110	Liên minh Hợp tác xã tỉnh

				ứng yêu cầu kết nối thay thác và vận hành									
3	Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc tiểu dự án 2, Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Định Hoá (13 điểm)	Huyện Định Hóa: Xã Bảo Linh; Xã Quy Kỳ; Xã Linh Thông; Xã Bình Thành; Xã Bình Yên; Xã Diềm Mặc; Xã Lam Vỹ; Xã Phú Tiên; Xã Tân Dương; Xã Tân Thịnh; Xã Trung Lương; Xã Định Biên; Xã Phú Đình	2023-2024	Đầu tư thiết bị thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	2.980	2.562	290	128	2.852	2.562	290	UBND huyện Định Hoá	
4	Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc tiểu dự án 2, Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc	Huyện Võ Nhai 13 điểm	2024-2025	Đầu tư thiết bị thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	2.980	2.562	290	128	2.852	2.562	290	UBND huyện Võ Nhai	

5	thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	Huyện Đồng Hỷ 05 điểm	2024-2025	Đầu tư thiết bị thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	1.144	985	110	49	1.095	985	110	UBND huyện Đồng Hỷ
6		huyện Phú Lương 03 điểm	2024-2025	Đầu tư thiết bị thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	689	592	67	30	659	592	67	UBND huyện Phú Lương
7		huyện Phú Bình 03 điểm	2024-2025	Đầu tư thiết bị thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	688	591	67	30	658	591	67	UBND huyện Phú Bình

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 THỰC HIỆN TIỂU DỰ ÁN 2, DỰ ÁN 10 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư			Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2023	Chủ đầu tư	
					Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)	Ngân sách địa phương (cấp huyện)		Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương (cấp tỉnh)
I	Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Dự án 10				4.603	4.020	455	128	4.475	4.020	455	2.681	

1	Đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên	Ban Dân tộc tỉnh Thái Nguyên	2023 - 2025	Đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến, trang bị các thiết bị đầu cuối và vật dụng cần thiết để phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối, khai thác, vận hành	1.623	1.458	165		1.623	1.458	165	60	Ban Dân tộc tỉnh
2	Dự án thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc tiểu dự án 2, Dự án 10 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Định Hoá (13 điểm)	Huyện Định Hoá: Xã Bảo Linh Xã Quy Kỳ Xã Linh Thông Xã Bình Thành Xã Bình Yên Xã Diềm Mặc Xã Lam Vỹ Xã Phú Tiên Xã Tân Dương Xã Tân Thịnh Xã Trung Lương Xã Định Biên Xã Phú Đình	2023-2024	Đầu tư thiết bị thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	2.980	2.562	290	128	2.852	2.562	290	2.621	UBND huyện Định Hoá

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 85/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án
xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 352b/HĐND-VP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (viết tắt là Văn bản số 352b/HĐND-VP) và Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh

chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (viết tắt là Nghị quyết số 58/NQ-HĐND), cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh nội dung và quy mô đầu tư tại điểm 2 mục I của Văn bản số 352b/HĐND-VP

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sử dụng với quy mô 250 giường bệnh phục vụ khám chữa bệnh theo phương pháp y học cổ truyền, với các hạng mục chính:

- + Xây dựng khối khám, điều trị nội trú, hành chính quản trị;
 - + Xây dựng Khoa nhiễm khuẩn, Khoa dược, Khoa dinh dưỡng;
 - + Nhà xử lý rác thải.
- Quy mô sử dụng đất khoảng 4,2 ha.

2. Điều chỉnh nhóm, loại công trình, dự án tại điểm 3 mục I của Văn bản số 352b/HĐND-VP

Nhóm dự án: Nhóm B.

3. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn tại khoản 2 mục II Điều 1 của Nghị quyết số 58/NQ-HĐND

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống Y tế - địa phương: 53.525 triệu đồng;

- Vốn ngân sách địa phương (vốn xây dựng cơ bản tập trung, nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)): 185.000 triệu đồng;

- Nguồn vốn của bệnh viện (Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp): 15.000 triệu đồng;

- Nguồn vốn xã hội hóa: 13.200 triệu đồng.

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo Văn bản số 352b/HĐND-VP ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Dừng chủ trương đầu tư Dự án Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định dừng chủ trương đầu tư Dự án Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dừng chủ trương đầu tư Dự án Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề liên quan đến việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên.

I. Nguyên tắc phân bổ

Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên.

II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương (nguồn xây dựng cơ bản tập trung)

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 100.686,359 triệu đồng đối với: 01 dự án không tiếp tục đầu tư và giảm vốn dự phòng chưa phân bổ.

b) Điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn 100.686,359 triệu đồng đối với 08 dự án, nhiệm vụ gồm: 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành; 01 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023; 05 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025; 01 nhiệm vụ bố trí vốn để hoàn ứng vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020 theo Văn bản số 5721/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

a) Điều chỉnh giảm 53.536,641 triệu đồng đối với 01 dự án không tiếp tục đầu tư và giảm vốn dự phòng chưa phân bổ.

b) Bổ sung 53.536,641 triệu đồng cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương						
	TỔNG SỐ		1.015.144	275.373	708.408	384.920,359	100.686,359	100.686,359	384.920,359		

A	ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN		10.000		10.000	158.739	100.686,359		58.053		
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		10.000		10.000	10.000	10.000		0,00		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										
1	Xây dựng nhà đa năng Trường Chính trị tỉnh	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh	10.000		10.000	10.000	10.000		0,00	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Không tiếp tục đầu tư theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày

											31/8/2023 của HĐND tỉnh
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					148.739,359	90.686,359		58.053		
*	<i>Dự phòng chưa phân bổ</i>					<i>148.739,359</i>	<i>90.686,359</i>		<i>58.053</i>		<i>Số kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao tại mục V, Phần B, Phụ lục I Nghị quyết số 30/NQ- HĐND ngày 20/7/2023. Phần còn lại 58.053 triệu đồng để bố trí vốn đối ứng giải phóng mặt</i>

											<i>bảng cho dự án do Bộ Công an quyết định đầu tư, dự kiến 23.053 triệu đồng; Bổ sung 35.000 triệu đồng hỗ trợ xây dựng nông thôn mới theo Kết luận số 1162-KL/TU ngày 05/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh</i>
B	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN		1.005.144	275.373	698.408	226.181		100.686,359	326.867,359		

I	Văn hóa		76.250	24.788	51.462	35.212		16.250	51.462		
*	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023</i>										
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mực), xã Tiên Phong, thị xã Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2279/QĐ-UBND 7/9/2016 của UBND tỉnh	76.250	24.788	51.462	35.212		16.250	51.462	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Điều chỉnh tăng để phù hợp với tổng mức đầu tư của dự án được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày

											31/8/2023
II	Y tế, dân số và gia đình		266.725	53.525	185.000	85.000		46.463,359	131.463,359		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 ; Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh	266.725	53.525	185.000	85.000		46.463,359	131.463,359	Bệnh viện Y học cổ truyền	Điều chỉnh tăng cho phù hợp với Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		6.000		6.000	0,00		6.000	6.000		

*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										
1	Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	6.000		6.000	0,00		6.000	6.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Điều chỉnh tăng để phù hợp với chủ trương đầu tư dự án được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/8/2023
IV	Các hoạt động kinh tế		238.929	197.060	41.869	17.657		22.000	39.657		
a)	Giao thông		238.929	197.060	41.869	17.657		22.000	39.657		

*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025										
1	Đường giao thông xóm Khe Cái - Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	20.000		20.000	0,00		20.000	20.000	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	Điều chỉnh tăng để phù hợp với chủ trương đầu tư dự án được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 31/8/2023
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành										

1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	Các Quyết định số: 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 ; 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh	218.929	197.060	21.869	17.657		2.000	19.657	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Bổ sung để đảm bảo phù hợp với giá trị hoàn thành của dự án
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		417.240	-	414.077	88.312		9.377	97.689		
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>										

1	Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	12.240		9.077	0,00		9.077	9.077	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Điều chỉnh tăng để phù hợp với chủ trương đầu tư dự án được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 31/8/2023
2	Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh	405.000		405.000	88.312		300	88.612	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Điều chỉnh tăng để phù hợp với tổng mức đầu tư của dự án
VI	Các nhiệm vụ, chương trình,					0,00		596	596		

	dự án khác theo quy định của pháp luật										
a)	Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020					0,00		596	596		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Xiền, xã Yên Lạc; Đập Núi Phán, xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Các Quyết định số: 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND tỉnh				0,00		596	596	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên	Bổ trí để hoàn ứng vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 theo Văn bản số 5721/BKH ĐT-TH ngày 19/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)**

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (Thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh) giai đoạn 2021 - 2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương					
	TỔNG SỐ		319.592	53.525	237.867	70.268,610	53.536,641	53.536,641	70.268,610	
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		52.867		52.867	70.268,610	53.536,641		16.731,969	

I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		52.867		52.867	52.867	52.396,098		470,902	
*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>									
1	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND 20/7/2022 của HĐND tỉnh	52.867		52.867	52.867	52.396,098		470,902	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					17.401,610	1.140,543		16.261,067	
*	<i>Dự phòng chưa phân bổ</i>					17.401,610	1.140,543		16.261,067	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		266.725	53.525	185.000	0,00	0,00	53.536,641	53.536,641	

I	Y tế, dân số và gia đình		266.725	53.525	185.000	0,00	0,00	53.536,641	53.536,641	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>									
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	Các Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh	266.725	53.525	185.000	0,00	0,00	53.536,641	53.536,641	Bệnh viện Y học cổ truyền

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương (nguồn xây dựng cơ bản tập trung)

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 12.191,910 triệu đồng đối với 04 dự án, gồm: 03 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành; 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 12.191,910 triệu đồng đối với 09 dự án, nhiệm vụ, gồm: 03 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành; 01 dự án khởi công mới năm 2023; 03 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, chuẩn bị đầu tư để khởi công mới năm 2024; 01 nhiệm vụ bố trí vốn để hoàn trả vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020 theo Văn bản số 5721/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hỗ trợ 01 địa phương để đẩy nhanh công tác xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 65.300 triệu đồng đối với 05 dự án, gồm: 02 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành; 02 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023; 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, không tiếp tục đầu tư.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 65.300 triệu đồng đối với 05 dự án, nhiệm vụ, gồm: 03 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023; hỗ trợ 01 địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2023 và 01 địa phương để đẩy nhanh công tác xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)
(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:						Tăng	Giảm				
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương										
	TỔNG SỐ		650.234	229.560	417.511	158.515	528.594	348.674	42.890	12.191,910	12.191,910	42.890	-		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		342.876	194.560	148.316	77.306	280.648	297.220	34.503		12.191,910	22.311			
I	QUỐC PHÒNG		102.764	73.480	29.284	6.930	95.806	102.764	9.603		6.957,800	2.645			

1	Đường giao thông liên xã Trảng Xá - Phương Giao, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên kết nối với huyện Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn	Các Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3476/QĐ-UBND ngày 08/11/2017; 4018/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh	170.000	121.080	48.920	13.173	134.253	137.253	11.938		3.000	8.938	Dự án đang hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt quyết toán	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai
b)	Công nghệ thông tin		4.500	-	4.500	4.500	-	4.500	3.306,000		120,000	3.186,000		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025, đã hoàn thành</i>													

1	Xây dựng hệ thống thông tin các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh	4.500		4.500	4.500		4.500	3.306		120	3.186	Dự án đang hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt quyết toán	Sở Kế hoạch và Đầu tư
c)	Quy hoạch		65.612	-	65.612	52.703	50.589	52.703	9.656,000		2.114,110	7.541,890		
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành</i>													
1	Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh	65.612		65.612	52.703	50.589	52.703	9.656,000		2.114,110	7.541,890	Dự án đang hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt quyết toán	Sở Kế hoạch và Đầu tư
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		307.358	35.000	269.195	81.209	247.946	51.454	8.387	12.191,910		20.579		

I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		6.000	-	6.000	6.000	0,00	0,00	0,00	500		500		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, khởi công mới năm 2024</i>													
1	Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ	Nghị quyết số 71/NQ- HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	6.000		6.000	6.000			0,00	500		500	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư	
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		104.118	35.000	69.118	40.572	63.475	30.974	5682,00	5.715,910		11.398		
a)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		84.118	35.000	49.118	20.572	63.475	30.974	5.682	5.015,910		10.697,910		

3	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh	12.026		12.026	12.026	0,00	3.640	3.640	3.806,910		7.446,910	Bổ trí vốn để đẩy nhanh tiến độ xây lắp	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b)	Giao thông		20.000	-	20.000	20.000	0,00	0,00	0,00	700		700		
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, khởi công mới năm 2024</i>													
1	Đường giao thông xóm Khe Cái-Suối Khê, xã Vũ Chấn đi xóm Na Hấu, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	20.000		20.000	20.000			0,00	700		700	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Võ Nhai

2	Xây dựng Trụ sở Hạt kiểm lâm Đại Từ	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 31/8/2023 của HĐND tỉnh	12.240		9.077	9.077	0,00	0,00	0,00	300		300	Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư		
IV	CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT					2.980	1.000	1.000	1.000	2.576		3.576			
*	<i>Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020</i>					<i>0,00</i>			<i>0,00</i>	<i>596</i>		<i>596</i>			
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Xiền, xã Yên Lạc; Đập Núi Phan, xã Động Đạt, huyện Phú Lương	Các Quyết định số: 1609/QĐ-UBND ngày 26/7/2012; 3936/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của UBND tỉnh				0,00			0,00	596		596	Bố trí để hoàn ứng vốn ứng trước ngân sách Trung ương giai đoạn 2016-2020 theo Văn bản số 5721/BKHĐT-TH ngày 19/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên	

*	<i>Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới</i>					2.980	1.000	1.000	1.000	1.980		2.980		
1	Thành phố Thái Nguyên					2.980	1.000	1.000	1.000	1.980		2.980	Bổ sung kế hoạch để đẩy nhanh công tác xây dựng nông thôn mới	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

T T	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Lũy kế khối lượng thực hiện từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Kế hoạch năm 2023 đã giao (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú	
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số					Trong đó:	Tăng					Giảm
				Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý										
	TỔNG SỐ		4.975.805	1.613.401,390	1.392.814,39	1.970.235,982	669.566	206.421	65.300	65.300	206.421	-		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		641.367	641.367	552.555	94.447,902	236.257	178.784	65.300	113.484				

I	QUỐC PHÒNG		63.500	63.500	63.300	59.545	63.300	18.498		5.058,536	13.439,464			
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 đã hoàn thành</i>													
1	Dự án Cải tạo Căn cứ chiến đấu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh	30.000	30.000	29.800	27.041	29.800	12.243		2.758,536	9.484,464	Do khối lượng hoàn thành giảm so với tổng mức đầu tư được duyệt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Số kế hoạch đề nghị điều chỉnh giảm là 2.758.536.000 đồng
2	Dự án Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2021	Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 25/9/2021 của UBND tỉnh	33.500	33.500	33.500	32.504	33.500	6.255		2.300	3.955	Do khối lượng hoàn thành giảm so với tổng mức đầu tư được duyệt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

II	THỂ DỤC, THỂ THAO		120.000	120.000	120.000	100	100	17.900	17.900	0,00			
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023</i>												
1	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao và Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	Nghi quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND tỉnh	120.000	120.000	120.000	100	100	17.900	17.900	0,00	Dự án đang đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư nên không có khả năng giải ngân năm 2023	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

III	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI		457.867	457.867	369.255	34.802,902	172.857	142.386		42.341,464	100.045			
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, không tiếp tục đầu tư</i>													
1	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20 - 10 phụ nữ tỉnh	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh	52.867	52.867	52.867	470,902	18.050	17.579		17.579	0,00	Không tiếp tục đầu tư theo Nghị quyết số /NQ-HĐN	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng	

	Thái Nguyên											D ngày /9/20 23 của HĐN D tỉnh	và công nghiệp tỉnh	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023</i>													
2	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND tỉnh	405.000	405.000	316.388	34.332	154.807	124.807		24.762,464	100.044,536	Điều chỉnh để phù hợp với tình hình triển khai thực hiện	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		4.334.438	972.034,390	840.259	1.875.788	433.309	27.637	65.300,000	-	92.937,000			

I	VĂN HOÁ		22.000	15.000	15.000	7.500	7.500	2.500	7.500		10.000			
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023</i>													
1	Xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích "Nơi thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, tại xã La Bằng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh	22.000	15.000	15.000	7.500	7.500	2.500	7.500		10.000	Bổ trí vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ	

II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		4.312.438	957.034,390	755.034	1.856.651	414.172	13.500	30.000	-	43.500			
a)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		108.438	108.438	108.438	11.000	16.500	13.500	10.000		23.500			
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành sau năm 2023</i>													
1	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	108.438	108.438	108.438	11.000	16.500	13.500	10.000		23.500	Đảm bảo tiến độ thực hiện theo chủ trương của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua	Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hoá thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hoá, thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 1,63 ha rừng trồng sản xuất để thực hiện Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hoá thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên đã được phê duyệt chủ trương đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười lăm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

CHỦ TỊCH**Phạm Hoàng Sơn**

Phụ lục**DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỀ NGHỊ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG***(Kèm theo Nghị quyết số 89/NQ- HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

TT	Tên dự án, địa điểm thực hiện	Diện tích, vị trí có rừng chuyển mục đích sử dụng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng				Loại rừng
		Tổng diện tích (ha)	Lô	Khoảnh	Tiểu khu	
1	Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hoá thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên	1,63	3	14	20	Rừng trồng sản xuất (cây keo, bạch đàn)
Tổng cộng		1,63				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2224/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển hình thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3605/TTr-SKHĐT ngày 21/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư (*Phụ lục I kèm theo*).

Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA (*thủ tục hành chính số 4-7, số thứ tự V, Phần I*) được công bố tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
1	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	<i>Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Không quá 45 ngày</i>	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Không quy định	1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội. 2. Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. 3. Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021.	Một cửa liên thông
2	Quyết định đầu tư chương		- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Không	1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14	Một cửa liên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền người đứng đầu cơ quan chủ quản	- Thời gian quyết định đầu tư Chương trình đầu tư công không quá 20 ngày; dự án nhóm A không quá 15 ngày, dự án nhóm B, C không quá 10 ngày.	giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	quy định	ngày 13/6/2019 của Quốc Hội. 2. Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. 3. Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021.	thông
3	Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để	Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố	Không quy định	1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội. 2. Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. 3. Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP	Một cửa liên thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
	chuẩn bị dự án đầu tư)		Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên		ngày 16 tháng 12 năm 2021.	

4	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi	<p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC:</p> <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên</p> <p><i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	Không quy định	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc Hội. 2. Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. 3. Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021. 	Một cửa liên thông
---	--	---	--	----------------	---	--------------------

PHỤ LỤC II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI NGUYÊN***(Ban hành kèm theo Quyết định số 2231/QĐ-UBND**Ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ
1	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021.
2	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.	Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021.
3	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021.
4	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 4/5/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2231/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xuất bản,
In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-BTTTT ngày 05/07/2023 của Bộ trưởng Bộ thông tin và Truyền thông về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 112/TTr-STTTT ngày 10/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 trở đi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến

PHỤ LỤC

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH						
1	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	+ Tài liệu in trên giấy: 7.500 đồng/ trang quy chuẩn + Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 3000 đồng/ phút + Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 13.500 đồng/ phút <i>Áp dụng kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, theo quy định</i>	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
				<p>tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;</p> <p>- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; - Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.	
2	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên <i>Địa chỉ:</i> Số 17, đường Đội Cấn,	25.000 đồng/ <i>hồ sơ áp dụng kể từ ngày 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, theo quy định tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày</i>	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện	Một cửa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
			phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<p>pháp thi hành Luật Xuất bản;</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;</p> <p>- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý	Cơ chế giải quyết TTHC
					<p>mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;</p> <p>- <i>Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.</i></p>	

CÔNG BÁO tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo điện tử tỉnh Thái Nguyên được thiết kế trên khổ giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16A, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: portal@thainguyen.gov.vn

Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>